

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 10 - 2022

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lan** và bà **Ngô Thị Như Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Viết Tùng**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên
tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ước** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T.** Sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức T2.** Sinh năm 1985.

Nơi cư trú: tổ 17, phường P, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T2 vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết

hôn, vợ chồng đi làm nhiều nơi rồi cùng về ở hẳn với gia đình chồng tại tổ 17, phường P, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Nguyên nhân do khúc mắc trong làm ăn, kinh tế và do vợ chồng không có con chung. Từ đầu năm 2019 tới nay, vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan T2 đến nhau. Tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh T2.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức T2 đã nhiều lần được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, cũng không có bất cứ văn bản nào nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Do anh T2 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chị T có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành việc xác minh theo quy định để làm rõ các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh T2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Dương Thị T khởi kiện vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh Nguyễn Đức T2. Anh T2 có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và hiện không có nơi cư trú nào khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Anh T2 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập

phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Đức T2 kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống xuất phát từ kinh tế và không có con chung, từ đó thường xuyên cãi vã, không hòa hợp. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một

nơi, không ai còn quan T2 tới ai. Lời trình bày của chị T tại Tòa án phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án với gia đình anh T2 và với chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã trầm trọng và không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Chị T trình bày vợ chồng không có con chung, không đề nghị giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T2.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố

Hòa Bình theo biên lai số 0001580 ngày 18/8/2022, nay được đối trừ và không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPHB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (số 29/2011);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Hoài Anh